TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **765**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 739/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 về việc: "Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu: **Ông** Ngô Văn T, sinh năm 1976, CCCD số 001076017449 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 01/11/2021;

Nơi cư trú: 14 Ngõ A Đ, phường N, thành phố Hà Nội.

* Người yêu cầu: **Bà** Nguyễn Thị N, sinh năm 1991, CCCD số 038191000202 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/07/2021;

HKTT: 14 Ngõ A Đ, phường N, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã Q, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn ngày ngày 06/05/2010 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (cũ) (Giấy chứng nhận kết hôn số 23, Quyển số 01-2010 ngày 06/5/2010). Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, quan hệ vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân với nhau. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Toà án công nhận

thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được công nhận.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Ngô Tiến Đ, sinh ngày 04/12/2010 và cháu Ngô Tiến H, sinh ngày 01/11/2013. Sau khi ly hôn ông bà thỏa thuận, ông Ngô Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Ngô Tiến Đ; Bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Ngô Tiến H kể từ tháng 06/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cả hai xác nhận hiện tại, bà Nguyễn Thị N không mang thai, ông bà không có con chung, con riêng nào khác.

[3] Về tài sản chung, nhà, đất ở chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Ngô Văn T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về tình cảm:* Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông bà có 02 con chung là cháu Ngô Tiến Đ, sinh ngày 04/12/2010 và cháu Ngô Tiến H, sinh ngày 01/11/2013. Sau khi ly hôn, ông Ngô Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Ngô Tiến Đ; Bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Ngô Tiến H kể từ tháng 06/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung; nhà, đất ở chung:* Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Ngô Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai Ký hiệu: BLTU/26E số 0014944 ngày 18/6/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1- Hà Nội;
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 1- Hà Nội;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tô Việt Anh